

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Logic học

ĐỀ TÀI: Chứng minh và các lỗi logic vi phạm các quy tắc chứng minh thông qua các tình huống thực tế.

Giảng viên hướng dẫn : Đào Thị Hữu

Sinh viên thực hiện : Phạm Ngọc Toàn

Lớp : K22LKTC

Mã sinh viên : 22A4060161

Hà nội, ngày 14 tháng 07 năm 2020

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
PHẦN NỘI DUNG	2
Phần 1: Lý luận chung về chứng minh và các lỗi logic vi phạm quy tắc chứng minh	2
1.1. Định nghĩa và đặc điểm chung của chứng minh.....	2
1.1.1. Định nghĩa chứng minh.....	2
1.1.2. Đặc điểm chung của chứng minh.....	2
1.2. Cấu tạo và các kiểu chứng minh.....	3
1.2.1. Cấu tạo của chứng minh.....	3
1.2.2. Các kiểu chứng minh.....	4
1.3. Các quy tắc chứng minh.....	5
1.4. Các lỗi logic trong chứng minh.....	7
Phần 2: Liên hệ thực tiễn và liên hệ bản thân thông qua việc vận dụng các quy tắc chứng minh vào trong thực tế đời sống	8
2.1. Liên hệ thực tiễn.....	8
2.2. Liên hệ bản thân thông qua việc vận dụng các quy tắc chứng minh vào trong thực tế đời sống.....	10
PHẦN KẾT LUẬN	13
TÀI LIỆU THAM KHẢO	14

PHẦN MỞ ĐẦU

Con người nhận được các tri thức gián tiếp không chỉ bằng cách suy luận. Chứng minh là cách khác nữa để thực hiện quá trình ấy trong tư duy. Chứng minh đòi hỏi phải có các suy luận, phải dựa vào chúng, nhưng cũng hoàn toàn không thể bị quy về chúng, cũng không là một tổng số học đơn giản của chúng. Cũng như phán đoán thể hiện mối liên hệ giữa các khái niệm, còn suy luận – dưới dạng mối liên hệ của các phán đoán, thì cũng vậy chứng minh là mối liên hệ giữa các suy luận. Chứng minh là lĩnh vực thể hiện sự tác động tổng hợp hơn cả của toàn bộ các quy luật logic, đặc biệt là quy luật lí do đầy đủ.

Và chính là đề tài mà em tìm hiểu “ Chứng minh và các lỗi logic vi phạm quy tắc chứng minh thông qua tình huống thực tế” khi nhận thức được rõ tầm quan trọng của nó, chứng minh đã bổ sung thêm tính chính xác cho suy luận và phán đoán tăng thêm khả năng tư duy logic của mỗi con người không đơn thuần là do cảm tính nữa mà dựa trên cơ sở khoa học đã được chứng minh. Đi cùng đó là mục đích để cho mọi người nắm được định nghĩa, đặc điểm của chứng minh, cấu tạo, các cách chứng minh và các quy luật logic làm cơ sở cho chứng minh. Hiểu được các quy tắc dùng trong chứng minh và các lỗi logic thường mắc phải, biện pháp hạn chế những lỗi logic ấy thông qua thực tiễn và bản thân của chính mình dưới phạm vi nghiên cứu trong góc độ thực tiễn đời sống hàng ngày ở Việt Nam. Bài tiểu luận trên dựa trên cơ sở lý luận về quan điểm của logic học hình thức về hình thức và quy luật của tư duy theo phương pháp nghiên cứu đó là thống nhất logic và lịch sử, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa và hệ thống hóa, hình thức hóa, qua các ví dụ thực tiễn đời sống con người. Đề tài này giúp con người hiểu, nắm chắc các quy tắc chứng minh và vận dụng chúng vào trong thực tiễn một cách chính xác để tránh các lỗi logic thường hay mắc phải khi vi phạm các quy tắc chứng minh.

PHẦN NỘI DUNG

Phần 1: Lý luận chung về chứng minh và các lỗi logic vi phạm quy tắc chứng minh.

1.1. Định nghĩa và đặc điểm chung của chứng minh.

1.1.1. Định nghĩa chứng minh?

Trong thực tiễn nếu như tất cả các chân lý đều đã rõ ràng, thì chắc chắn không cần đến chứng minh. Trong thực tế chỉ có một số tương đối không nhiều các chân lý là hiển nhiên và vì thế không đòi hỏi chứng minh. Còn lại phần lớn các chân lý đều không được rõ ràng như vậy và do đó, đòi hỏi phải được chứng minh. Ranh giới giữa các luận điểm không cần chứng minh và phải được chứng minh khá linh động, tương đối, có điều kiện. Chẳng hạn, một mặt cùng với sự gia tăng của các tri thức con người thì cũng tăng thêm cả số các tiền đề, còn mặt khác – con người bằng mọi cách cố gắng giảm bớt chúng, chứng minh số nào đó trong chúng. Vậy chúng ta hiểu chứng minh là gì?

Theo đó, chứng minh là hình thức của tư duy, mà nhờ đó trên cơ sở một số tri thức chân thực người ta xác lập tính chân thực hay giả dối của các tri thức khác. Thuật ngữ “chứng minh” còn được dùng để diễn tả chính quá trình sử dụng hình thức ấy – thao tác, thủ thuật, tổng thể các cách thức logic để xác lập tính chân thực của một luận điểm nào đó bằng con đường rút nó ra từ tính chân thực đã biết của các luận điểm khác.

1.1.2. Đặc điểm chung của chứng minh?

Như từng suy luận riêng rẽ, chứng minh cũng nhằm mục đích mang lại tri thức suy luận gián tiếp. Nhưng nếu sứ mệnh của suy luận trước tiên là để rút ra tri thức mới, thì chứng minh lại chuyển trọng tâm sang việc xác định tính chân thực hoặc giả dối của tri thức đang có. Điều đó giải thích vì sao chứng minh lại là phương tiện quan trọng để tạo nên sức thuyết phục – tức là sự tự

tin vào tính đúng đắn của tri thức. Nhờ vậy mà chứng minh có một số đặc điểm như sau :

- Thứ nhất, chứng minh đầu tiên phải là hình thức của tư duy.
- Thứ hai, chứng minh gắn liền chặt chẽ với tính quy định phổ biến của các đối tượng hiện thực , mà trước tiên là với tính phụ thuộc nhân quả của chúng.
- Thứ ba, chứng minh gắn liền với sự tồn tại của các chân lý chưa được xác minh mang tính khởi điểm.
- Thứ tư là thao tác cơ bản của tư duy chính xác, là điều kiện quan trọng của nhận thức khoa học. Mỗi khoa học đều có nhiệm vụ làm sáng tỏ nguyên lí, những quy luật của mình; tìm cách giải đáp một cách hợp lí, khách quan cho những nguyên lí, quy luật ấy.
- Thứ năm, chứng minh kiểm tra tính chân thực hay giả dối của các tri thức.
- Thứ sáu, chứng minh mang trên đôi vai mình một sứ mệnh đó là thuyết phục người khác về tính đúng đắn, chân thực hay giả dối của tri thức để mọi người nhận thức được và kiểm tra các tri thức đó xem có đúng đắn hay giả dối hay không.

1.2. Cấu tạo và các kiểu chứng minh?

1.2.1. Cấu tạo của chứng minh?

Chứng minh có cấu tạo gồm ba bộ phận chính: luận đề, luận cứ và luận chứng.

Về luận đề là cái mà ta phải chứng minh, là luận điểm được định hình, phát biểu rõ ràng bằng ngôn từ, nhưng tính chân thực của nó cần phải được xác minh.

Về luận cứ là cái mà ta dùng để chứng minh, là những luận điểm mà từ đó rút ra tính chân thực hay giả dối của luận đề. Luận cứ có vai trò cực kì quan trọng tạo nên phép chứng minh, do vai trò quan trọng của chúng trong chứng minh mà không ít khi bản thân chúng được gọi luôn là chứng minh. Trong thực tế, một luận đề có thể được chứng minh nhờ các luận cứ khác nhau, còn một luận cứ có thể sử dụng để chứng minh những luận đề khác nhau.

Về luận chứng, việc có luận đề và luận chứng còn chưa có nghĩa là có chứng minh. Để có được chứng minh với kết quả tất yếu là việc thừa nhận tính chân thực hay giả dối của luận đề, đòi hỏi phải có mối liên hệ logic nhất quán giữa các luận cứ và kết luận từ các luận cứ ấy. Còn quá trình sắp xếp, tổ chức các luận cứ theo mạch logic xác định gọi là luận chứng.

Ta sẽ lấy một ví dụ đơn giản sau: Chứng minh : “Sinh viên Hòa học giỏi”. Dựa vào các phán đoán mà tính chân thực đã được xác nhận sau đây để làm tiền đề : Sinh viên Hòa được khen thưởng về thành tích học tập và ai không học giỏi thì không được khen thưởng về thành tích học tập.

Sắp xếp các tiền đề theo một cách nhất định ta sẽ rút ra luận điểm cần chứng minh :

- Ai không học giỏi thì không được khen thưởng về thành tích học tập.
- Sinh viên Hòa được khen thưởng về thành tích học tập

Chứng tỏ : Sinh viên Hòa học giỏi.

Trong ví dụ trên thì luận đề là “sinh viên Hòa học giỏi”, luận cứ là “Ai không học giỏi thì không được khen thưởng về thành tích học tập và Sinh viên Hòa được khen thưởng về thành tích học tập”, luận chứng chính là cách sắp xếp các luận cứ theo mạch logic như trên.

1.2.2. Các kiểu chứng minh?

Phụ thuộc vào mục đích, cách chứng minh và kiểu suy luận dùng trong luận chứng có thể chia chứng minh ra thành 3 nhóm chung nhất : chứng minh

và bác bỏ, chứng minh trực tiếp và chứng minh gián tiếp, cuối cùng căn cứ vào nhóm suy luận dùng trong luận chứng chia thành chứng minh diễn dịch, quy nạp, loại suy và hỗn hợp.

1.3. Các quy tắc chứng minh?

- Quy tắc đối với luận đề:

- Luận đề chứng minh cần phải chân thực: Trong chứng minh tính chân thực của luận đề không phải được sinh ra mà chỉ được xác lập, được vạch ra. Vì thế nếu luận đề không chân thực thì sẽ không chứng minh được.

Ví dụ: Hãy chứng minh “đêm là nguyên nhân sinh ra ngày hay ngày là nguyên nhân của đêm” thì không chứng minh được vì nó không chân thực.

- Luận đề phải được phát biểu chặt chẽ, chính xác, rõ ràng: Nếu không có thì sẽ không chứng minh được bởi vì nếu tưởng mình có thể rất nhiều người hiểu sai ngụ ý của bạn muốn chứng minh điều gì.
- Phải giữ nguyên luận đề trong suốt quá trình chứng minh: Giữ nguyên luận đề nhằm thực hiện nhiệm vụ của chứng minh. Nếu luận đề bị thay đổi thì nhiệm vụ chứng minh không hoàn thành, tức là luận đề được xác định ban đầu thì không chứng minh một luận đề khác. Ví dụ trong một cuộc tranh luận thì mọi người cần phải giữ nguyên quan điểm mà mình đưa ra để chứng minh trong phần luận đề tránh tình trạng vòng vo dẫn đến luận đề bị xáo trộn.

- Quy tắc đối với luận cứ:

- Các luận cứ cần phải chân thực: Tính chân thực ở luận cứ với tính chân thực của luận đề có mối quan hệ mật thiết với nhau. Không thể chứng minh một luận điểm đúng hay sai khi mà người ta lại dựa vào những

luận điểm mà giá trị logic của chúng chưa được chứng minh hoặc giả dối.

- Tính chân thực của các luận cứ phải có cơ sở độc lập với luận đề: Luận đề chỉ được chứng minh khi lấy tính chân thực của luận cứ làm cơ sở. Nếu tính chân thực của luận cứ lại được rút ra từ luận đề thì như thế là chẳng chứng minh được gì cả. Lỗi logic này gọi là lỗi “chứng minh vòng quanh”. Ví dụ chứng minh “Tư duy logic là tư duy một cách logic” thì đây chính là lỗi chứng minh vòng quanh.
- Các luận cứ không được mâu thuẫn với nhau: Nếu các luận cứ mâu thuẫn với nhau thì theo quy luật bài trung một trong số đó là giả dối (vi phạm quy tắc 1).
- Mỗi luận cứ là cần, còn tất cả chúng cùng nhau thì phải là đủ để luận chứng cho luận đề: Trong chứng minh không được phép có bất cứ cái gì bị bỏ qua cũng như không được có bất kỳ cái gì là thừa. Giữa các luận cứ phải có mối liên hệ trực tiếp và tất yếu đối với luận đề. Các luận cứ không chỉ chân thực mà còn phải không thiếu, không thừa, bảo đảm cho luận đề được rút ra một cách tất yếu khách quan nhờ vào các lập luận logic.
- Quy tắc đối với luận chứng:
 - Luận chứng phải tuân theo các quy tắc quy luật logic: Vi phạm các quy tắc, quy luật logic thì kết luận không được rút ra một cách tất yếu từ tiền đề, tức là không chứng minh được luận đề.
 - Luận chứng phải đảm bảo tính hệ thống: Các luận cứ phải được sắp xếp, tổ chức chặt chẽ, bảo đảm cho phép chứng minh có sức thuyết phục cao.
 - Luận chứng phải đảm bảo tính nhất quán – phi mâu thuẫn: Nếu trong phép chứng minh có chứa những luận cứ mâu thuẫn với nhau trực tiếp

hoặc gián tiếp, thì phép chứng minh ấy chứa mâu thuẫn logic, không thuyết phục.

1.4. Các lỗi logic trong chứng minh?

Các lỗi trong quá trình chứng minh phát sinh do vi phạm quy tắc riêng của nó ở cả ba bộ phận luận đề, luận cứ và luận chứng.

Đầu tiên là các lỗi ở luận đề điển hình là lỗi “đánh tráo luận đề”. Nó gắn liền với việc vi phạm quy tắc xác định và đồng nhất của luận đề. Khi ta đưa ra một luận đề cần phải chứng minh nhưng khi chứng minh ta lại chứng minh một luận đề khác gần giống với luận đề. Lỗi này thường bắt gặp ở học sinh khi vi phạm mà giáo viên bắt viết bản kiểm điểm, thay vì kiểm điểm bản thân thì học sinh viết bản kiểm điểm lại tường trình sự việc khiến đối tượng không được chính xác hóa. Một lỗi nữa là “chứng minh quá ít” tức là thu hẹp luận đề cần chứng minh. Có thể lấy một ví dụ như sau: Để chứng minh phẩm chất rèn luyện đạo đức của học sinh thì giáo viên chỉ đánh giá trong phạm vi ở trong trường, giáo viên đã bỏ qua một phạm vi rất rộng ảnh hưởng lớn đó là cách ứng xử của học sinh đó ở ngoài xã hội. Không nên đánh giá phiến diện như vậy!

Thứ hai là các lỗi ở luận cứ. Ở đây có bốn lỗi cơ bản mà mọi người hay mắc phải đó là: Sử dụng luận cứ không chân thực, sử dụng luận cứ chưa được chứng minh, lỗi chứng minh vòng quanh và sử dụng lời nói, uy tín của người nổi tiếng để làm luận cứ.

Cuối cùng là các lỗi ở luận chứng. Cơ bản nhất trong số chúng là lỗi “không suy ra” có nghĩa là, không có mối liên hệ logic cần thiết giữa luận đề và luận cứ mà vẫn rút ra được tính chân thực của luận đề. Đây chính là tiền đề để mắc các lỗi logic như: Đánh tráo khái niệm; Đánh tráo hiện tượng với bản chất nguyên nhân và kết quả; Đánh tráo vật quy chiếu; Luận chứng không đúng và luận chứng vòng quanh...

Phần 2: Liên hệ thực tiễn và liên hệ bản thân thông qua việc vận dụng các quy tắc chứng minh vào trong thực tế đời sống.

2.1. Liên hệ thực tiễn?

Trong thực tiễn đời sống con người, việc vận dụng chứng minh vào trong thực tiễn gặp không ít những khó khăn. Bởi vì chứng minh là quá trình mắc nhiều lỗi logic hơn so với mọi hình thức tư duy khác, vì chứng minh là hình thức tư duy phức tạp nhất so với các hình thức khác. Vì vậy, các lỗi logic mắc phải trong các hình thức ấy cũng hay thể hiện trong chứng minh mà việc tìm chúng ở thực tế là điều không khó chúng ta hãy thử xem qua một số ví dụ sau:

Đầu tiên là các lỗi ở luận đề thì một trong các lỗi hay gặp nhất chính là lỗi “đánh tráo luận đề” mà việc mắc chúng dẫn ta rơi vào nguy biến. Đây là kiểu nguy biến rất phổ biến. Trong kiểu nguy biến này, trước hết nhà nguy biến thay thế luận đề ban đầu bằng một luận đề mới trong quá trình tranh luận. Luận đề mới này không tương đương với luận đề ban đầu. Sau đó ông ta chứng minh luận đề mới một cách rất chặt chẽ và cuối cùng tuyên bố là mình đã chứng minh được luận đề ban đầu. Vì hai luận đề là không tương đương với nhau nên tính chất nguy biến lộ rõ. Để thực hiện kiểu nguy biến này, nhà nguy biến hay sử dụng những hiện tượng ngôn ngữ đồng âm khác nghĩa, một từ có nhiều nghĩa, ...; hoặc đem đồng nhất cái bộ phận với cái toàn thể, đồng nhất cái toàn thể với cái bộ phận; hoặc diễn tả mơ hồ để muốn hiểu theo cách nào cũng được. Có một cuộc tranh luận tại một công viên như này mà em đã bắt gặp giữa hai người đàn ông lớn tuổi, một người đưa ra một luận đề để chứng minh là “Cái bánh không thể biến mất được”. Sau đó người này lập luận bằng các luận cứ như sau: “Cái bánh là vật chất, mà vật chất thì không biến mất, vậy cái bánh không biến mất”. Trong tình huống trên người đàn ông đã thay luận đề ban đầu bằng luận đề “vật chất không biến mất”, rồi dựa vào triết học để chứng minh luận đề thứ hai này. Tuy nhiên đây là lỗi “đánh tráo luận đề” vì hai luận đề này không tương đương với nhau, bởi lẽ từ “vật chất”

được hiểu với hai nghĩa khác nhau chứ không muốn nói người đàn ông đã rơi vào lỗi ngụy biện.

Chúng ta xét tiếp ví dụ sau qua một vụ án trên thực tế. Theo báo Dân Trí, ngày 15/8/2003, tại thôn Me, xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên - Bắc Giang chấn động bởi một vụ án giết người. Chị Nguyễn Thị Hoan bị sát hại với nhiều thương tích ở đầu, mặt, bụng. Động mạch bị đứt và mất máu cấp đã dẫn đến tử vong. Sau khi thu thập chứng cứ tại hiện trường và qua quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã ra quyết định bắt giữ Nguyễn Thanh Chấn (52 tuổi) trú tại thôn Me, xã Nghĩa Trung để truy tố, xét xử. Trong hai phiên tòa xét xử sơ thẩm và phúc thẩm, cơ quan tố tụng đều kết luận Nguyễn Thanh Chấn phạm tội với tội danh “giết người”, áp dụng khung hình phạt chung thân đối với “bị cáo”. Nhưng 10 năm sau, sự thật mới được làm sáng tỏ, hung thủ thực sự đã bị bắt. Cuối cùng ông Chấn được rửa tiếng oan nhục nhã đeo bám bấy lâu. Tình tiết mà cơ quan tiến hành tố tụng đưa ra là ngày 15/8/2003, tại thôn Me có một giao lưu bóng đá, vợ chồng Chấn bán quán nước tại sân vận động. Vợ ông bảo về nhà múc nước. Trên đường ngang qua nhà chị Hoan, Chấn nảy sinh ý định cưỡng hiếp nên đã lao vào để sàm sỡ. Thực hiện hành vi không thành, Chấn đã thực hiện hành vi giết chị Hoàn? Ở đây chúng ta không đề cập đến việc đúng hay sai của cơ quan chức năng có thẩm quyền mà chỉ đề cập đến các lỗi logic trong chứng minh. Theo luận đề mà cơ quan tiến hành tố tụng đưa ra chính là chứng minh “ông Chấn đã thực hiện hành vi giết chị Hoan”. Sau đó đã đưa ra một loạt luận cứ như “vợ ông bảo về nhà múc nước, trên đường ngang qua nhà chị Hoan ông Chấn nảy sinh ý định cưỡng hiếp nhưng không thành”. Theo lập luận trên có thể thấy chỉ vì gánh nước qua nhà chị Hoan mà ông Chấn bị kết án oan tù chung thân và đặc biệt các luận cứ của cơ quan tố tụng đưa ra chưa có tính chân thực vì phạm các lỗi trong luận cứ ở chứng minh, đó chính là lỗi “Sử dụng luận cứ không chân thực” khi mà người sử dụng luận điểm mà tính chân thực của chúng còn

chưa được làm sáng tỏ dẫn đến khái quát vội vàng. Đây chính là một trong các lỗi tiêu biểu ở luận cứ.

Cuối cùng chúng ta xét đến các lỗi ở luận chứng, các lỗi ở luận chứng thường mắc vì một nguyên nhân cơ bản sau đó chính là người nói không đưa ra được bất cứ mối liên hệ logic cần thiết nào giữa luận đề và luận cứ mà vẫn cứ rút ra tính chân thực của luận đề. Trong thực tế ta gặp nhiều biến thể của nó như là “từ một điều đúng trong một nghĩa tương đối nào đó suy ra đúng trong nghĩa tuyệt đối” hay “từ nghĩa tập hợp sang nghĩa không tập hợp và ngược lại” dẫn đến một số lỗi logic sau: Đánh tráo khái niệm; Đánh tráo hiện tượng với bản chất nguyên nhân và kết quả; Đánh tráo vật quy chiếu; Luận chứng không đúng và luận chứng vòng quanh...Đã từng có một câu chuyện mà liên quan đến lỗi “Luận chứng vòng quanh” như sau: Có một du khách đến thăm một người có truyền thống nuôi ong lâu năm để tham khảo cách người này nuôi ong. Người nuôi ong nói “Ong của ta rất thông minh, nếu ong là thù thì ong đã đốt ông rồi, tuần trước có một kẻ xấu vào đây liền bị ong đốt phải bỏ chạy”

- “Sao ông biết hẳn ta là người xấu?” Du khách hỏi.
- “Vì ông đốt hẳn”. Người nuôi ong khẳng định.

Trên đây người nuôi ong đã vi phạm lỗi “luận chứng vòng quanh”: Ong thì đốt kẻ xấu còn kẻ xấu bị ong đốt. Ở đây tính chân thực của luận cứ không được chứng minh độc lập với tiền đề khi kết luận rút ra từ tiền đề nhưng bản thân tiền đề lại suy ra từ kết luận.

2.2. Liên hệ bản thân thông qua việc vận dụng các quy tắc chứng minh vào trong thực tế đời sống?

Việc vận dụng quy tắc chứng minh vào trong thực tế đời sống chúng ta đã bắt gặp rất nhiều. Tuy nhiên như mọi thao tác logic khác, chứng minh cũng có thể đúng, có thể sai. Vậy để có phép chứng minh đúng ta cần tuân thủ những

yêu cầu, còn gọi là “các quy tắc chứng minh”, mà logic học đã vạch thảo. Vì phạm chúng sẽ dẫn đến các lỗi logic tương ứng trong chứng minh. Sau đây chúng ta hãy thử chứng minh một quan điểm chưa phải là mới nhưng cũng chưa bao giờ hết cũ, bởi vì bản thân những người trong cuộc có dám lên tiếng tố cáo hay không?

Luận đề em đưa ra đó là “Bạo lực hèn hờ khiến yêu thương trở nên ngột ngạt”. Khi yêu thương không đồng hành với sự thấu hiểu, đó là lúc những nỗi đau bắt đầu xuất hiện, có một người từng tâm sự - xin được phép giấu tên “đã có những lúc đứng từ trên tầng 36 và có ý định tử tự với những vết đánh bầm dập hiện hữu trên cơ thể”. Và khi những mong muốn kiểm soát lên đến đỉnh điểm thì những phương pháp tinh vi đã được tìm đến. Có những câu chuyện đã gây bất bình dư luận như “Phóng hỏa đốt nhà bạn gái vì bị từ chối yêu” hay “Hành hung vì không nói lại tình cảm, cô gái bị người yêu chém rồi đốt vì không yêu”. Vì thế ranh giới giữa tình yêu và bạo lực hèn hờ đôi khi cũng thật quá mong manh. Vậy bạo lực hèn hờ là gì? Đó chính là một hành vi, trong một mối quan hệ tìm hiểu trước hôn nhân, một bên thể hiện quyền lực của mình với bên kia bằng cách đe dọa hay gây ra hành vi bạo lực. Theo báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh thì “Qua nghiên cứu 569 bạn nữ ở lứa tuổi 18-30 cho thấy gần 59% người được hỏi đã từng chịu bạo hành về mặt tinh thần, 23% từng bị quấy rối và bạo hành qua mạng, 24% từng là nạn nhân của quấy rối và đeo bám sau khi chia tay. Hậu quả là 21% trong số người được hỏi từng bị tổn thương về thân thể hoặc tinh thần. Hơn 6% trong số đó đã từng muốn tử tử”. Các hình thức bạo lực thường thấy đó khủng hoảng tinh thần hay thể xác như đánh đập, cưỡng ép quan hệ tình dục, thậm chí là dọa giết...Có rất nhiều đoạn video ghi lại các hành vi bạo lực khi tìm hiểu ra thì chỉ vì các nguyên nhân như ghen tuông, yêu đơn phương nhưng không được đáp lại hay chỉ vì đi cùng với người khác. Tuy nhiên đó chỉ là rất ít vụ việc được đưa ra ánh sáng, ẩn đằng sau đó là rất nhiều điều ẩn sâu trong bóng tối. Có những điều tưởng là vì yêu nhưng mà kéo theo đó là cả sự tổn thương khó

thể khóa lấp được. Trong thời đại công nghệ này thì bạo lực hèn hò càng được đà tác oai, tác quái hơn như kiểu việc: Lấy mật khẩu facebook, zalo, giới hạn liên hệ, kiểm tra nội dung cá nhân, thậm chí còn thuê thám tử theo dõi người mình yêu. Sự thiếu tin tưởng đã khiến nhiều người tìm tới cách này, tưởng rằng đây là hành động nhân danh tình yêu nhưng lại làm mất đi sự riêng tư của đối phương, đó là tiền đề cho những hành vi ghen tuông mù quáng khiến đối phương áp lực về mặt tâm lí và tiến đến những hình thức khác của bạo lực hèn hò. Rất nhiều chuyên gia đã đưa ra những hậu quả tác động không tốt tới người bị bạo lực hèn hò, đặc biệt là nữ giới như: sang chấn tâm lí, trầm cảm, tự ti, gây hại cho sức khỏe khi tìm đến các chất kích thích đặc biệt là rượu. Tuy nhiên tình yêu là xuất phát từ hai phía nên để chấm dứt bạo lực hèn hò cũng cần từ hai phía để khiến yêu thương không phải bằng bạo lực và không ngọt ngào.

Trên đây em đã chứng minh luận đề mình đưa ra đó là “ Bạo lực hèn hò khiến yêu thương trở nên ngọt ngào” bằng các luận cứ như: Kể lại các vụ việc thực tế, định nghĩa thế nào là bạo lực hèn hò, đưa ra các số liệu thống kê, các hình thức bạo lực hèn hò và hậu quả mà nó mang lại cho đối phương dựa trên các quy tắc chứng minh đối với luận đề, luận cứ và luận chứng. Vậy nên để chứng minh cho một luận đề mình đưa ra là chân thực thì mọi người phải hiểu rõ thế nào là chứng minh, các đặc điểm của chứng minh, cấu tạo, các cách chứng minh, đặc biệt phải nắm vững quy tắc chứng minh đối với luận đề, luận cứ và luận chứng, hơn nữa phải trang bị kiến thức hiểu biết đầy đủ với vấn đề mình cần chứng minh một cách toàn diện.

PHẦN KẾT LUẬN

Trên đây là bài tiểu luận về chủ đề “ Chứng minh và các lỗi vi phạm quy tắc chứng minh thông qua các tình huống thực tế”. Bài tiểu luận đã trình bày khái quát các nội dung về chứng minh như: Định nghĩa và các đặc điểm của chứng minh, cấu tạo, các cách chứng minh và các quy luật logic làm cơ sở cho chứng minh, các lỗi thường gặp trong chứng minh thông qua các tình huống thực tế trong đời sống hàng ngày từ đó đưa ra các biện pháp nhằm hạn chế những lỗi đó, đặc biệt áp dụng các quy tắc trong chứng minh để chứng minh luận điểm mà bản thân đưa ra và rút ra được kinh nghiệm cho bản thân để ngày càng hoàn thiện tư duy cho mình!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng việt

1. Nguyễn Thúy Vân – Nguyễn Anh Tuấn (2013), Giáo trình Logic học đại cương, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu trực tuyến.

2. Phạm Đình Nghiệm. Nhập môn Logic học. Nxb. Đại học quốc gia, Tp. Hồ Chí Minh, 2008, tr. 86-91. Bản đăng trên triethoc.edu.vn đã được tác giả cho phép.

http://triethoc.edu.vn/vi/chuyen-de-triet-hoc/logic-hoc-tu-duy-phan-bien/nguy-bien_499.html

3. Quốc Đô – Xuân Thái (2013) báo Dân trí “ Chỉ vì gánh nước qua nhà nạn nhân, ông Chấn dính án”.

<https://dantri.com.vn/phap-luat/chi-vi-ganh-nuoc-qua-nha-nan-nhan-ong-chan-dinh-an-1384195814.htm#:~:text=%C4%90%E1%BB%99ng%20m%E1%BA%A1ch%20b%E1%BB%8B%20%C4%91%E1%BB%A9t%20v%C3%A0,%C4%91%C3%A3%20d%E1%BA%ABn%20%C4%91%E1%BA%BFn%20t%E1%BB%AD%20vong.&text=Trong%20hai%20phi%C3%AAn%20t%C3%B2a%20x%C3%A9t,th%E1%BB%B1c%20s%E1%BB%B1%20%C4%91%C3%A3%20b%E1%BB%8B%20b%E1%BA%AFt.>

4. HG (2016) báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh “ 59% bạn nữ bị bạo lực hèn hò”.

<https://plo.vn/xa-hoi/59-ban-nu-tre-bi-bao-luc-hen-ho-663694.html>

5. Vài vấn đề vận dụng logic học để chứng minh một luận đề khoa học xã hội.

<http://www.luatdaiviet.vn/xem-tin-tuc/vai-van-de-trong-van-dung-logic-hoc-de-chung-minh-mot-luan-de-khoa-hoc-xa-hoi>